

Hà Nội, ngày 28 tháng 2 năm 2025

THÔNG BÁO

TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2025

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 666/QĐ-HVNG ngày 23/09/2021 của Giám đốc Học viện Ngoại giao về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Học viện Ngoại giao.

Căn cứ Đề án tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2025 và Kế hoạch tuyển sinh sau đại học năm 2025, Học viện Ngoại giao thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2025 như sau:

I. Ngành đào tạo, chỉ tiêu tuyển sinh, thời gian và hình thức đào tạo

1. Chuyên ngành và chỉ tiêu tuyển sinh

- Quan hệ quốc tế, mã số: 8310206; chỉ tiêu tuyển sinh: 100/năm
- Luật quốc tế, mã số: 8380108; chỉ tiêu tuyển sinh: 30/năm
- Kinh tế quốc tế, mã số: 8310106; chỉ tiêu tuyển sinh: 30/năm
- Truyền thông quốc tế: 8320107; chỉ tiêu tuyển sinh: 30/năm

2. Thời gian đào tạo: 24 tháng

3. Hình thức đào tạo: Chính quy

II. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

1. Đối tượng là công dân Việt Nam phải đáp ứng các điều kiện sau

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp.

b) Đã học bổ sung kiến thức (đối với những trường hợp không tốt nghiệp đại học đúng chuyên ngành dự thi trình độ thạc sĩ).

c) Lý lịch bản thân rõ ràng và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang công tác hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

d) Có đủ sức khỏe để học tập.



e) Người dự tuyển nếu có bằng tốt nghiệp đại học do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận văn bằng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

f) Yêu cầu về ngoại ngữ: Có một trong các văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ như sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;
- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học do Học viện Ngoại giao cấp trong thời gian không quá 02 năm;
- Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

g) Người dự tuyển không đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ phải tham gia đánh giá năng lực ngoại ngữ do Học viện tổ chức.

2. Đối tượng dự tuyển là công dân nước ngoài

Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt.

III. Danh mục ngành phù hợp của từng chương trình đào tạo và việc học bổ sung kiến thức trước khi dự tuyển

1. Danh mục ngành phù hợp của từng chương trình đào tạo (xem tại phụ lục 1)
2. Căn cứ vào quy định của chương trình đào tạo, Giám đốc Học viện quyết định về các trường hợp phải học bổ sung kiến thức trước khi dự tuyển.

IV. Quy định về đối tượng học chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu và định hướng ứng dụng hệ thạc sĩ

1. Ứng viên đăng ký dự tuyển chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu cần đáp ứng một trong các yêu cầu sau:

- Bằng tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành đúng, loại khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu;

- Bằng tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp nhóm 1, nhóm 2, loại khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu;

- Bằng tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) do nước ngoài cấp theo chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu (Có minh chứng);

- Bằng tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) do nước ngoài cấp và không có xếp loại thi căn cứ theo Mục 5, Điều 10 Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/03/2021 Quy định về cách tính điểm, xếp loại điểm học phần.

2. Ứng viên đăng ký dự tuyển chương trình đào tạo định hướng ứng dụng cần đáp ứng một trong các yêu cầu sau:

- Bằng tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành đúng, loại Trung bình - Khá trở xuống;

- Bằng tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp nhóm 3;

- Bằng tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) do nước ngoài cấp theo chương trình đào tạo định hướng ứng dụng (Có minh chứng);

- Bằng tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) do nước ngoài cấp và không có xếp loại thi căn cứ theo Mục 5, Điều 10 Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/03/2021 Quy định về cách tính điểm, xếp loại điểm học phần.

V. Hồ sơ dự tuyển và thủ tục đăng ký dự tuyển

1. Hồ sơ dự tuyển

Hồ sơ dự tuyển bao gồm các giấy tờ sau:

1) Một (01) Phiếu đăng ký dự tuyển (theo mẫu);

2) Sơ yếu lý lịch (theo mẫu);

3) Một (01) bản sao có chứng thực các giấy tờ sau:

a. Bằng và bảng điểm tốt nghiệp đại học;

b. Bằng và bảng điểm đại học ngoại ngữ hoặc chứng chỉ ngoại ngữ;

c. Các văn bằng, chứng chỉ khác (nếu có);

d. Chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân;

4) Một (01) bản sao chứng nhận học bổ sung kiến thức (nếu có);

- 5) Minh chứng các giải thưởng nghiên cứu khoa học, đề tài nghiên cứu khoa học và bài báo được công bố của thí sinh gồm: bản sao có chứng thực đối với giải thưởng nghiên cứu khoa học; giấy xác nhận là chủ nhiệm hoặc tham gia đề tài nghiên cứu khoa học của cơ quan có thẩm quyền; bản sao trang bìa tạp chí, trang mục lục và các trang toàn bài đối với bài báo (nếu có);
- 6) Hai (02) ảnh màu cỡ 3x4 (ghi rõ họ tên và ngày sinh của thí sinh vào mặt sau);
- 7) Giấy chứng nhận của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với các văn bằng tốt nghiệp đại học do các trường đại học nước ngoài cấp (không yêu cầu đối với các văn bằng thuộc diện “Hiệp định công nhận tương đương về văn bằng giáo dục đại học”);
- 8) Bản sao các quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động để minh chứng về thâm niên công tác (nếu có);
- 9) Công văn cử đi dự tuyển của thủ trưởng cơ quan quản lý (nếu có);
- 10) Bản sao có chứng thực giấy tờ để minh chứng về đối tượng ưu tiên (giấy chứng minh thư nhân dân, sổ hộ khẩu, xác nhận của cơ quan có thẩm quyền).

2. Thủ tục đăng ký dự tuyển

Thí sinh đăng ký dự tuyển và nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển theo hình thức trực tiếp tại Phòng Đào tạo sau Đại học, Học viện Ngoại giao.

VI. Kế hoạch và phương thức tuyển sinh

1. Kế hoạch tuyển sinh

- Thông báo tuyển sinh: 28/02/2025
- Phát hành hồ sơ tại Website của Học viện Ngoại giao: 28/02/2025
- Thời gian nhận hồ sơ: đến 17h00 ngày 10/06/2025 (*hồ sơ không hoàn trả sau khi nộp*)
- Học bổ sung kiến thức: 01/04/2025 – 20/05/2025
- Lịch ôn tập (*dự kiến*): 02/06/2025 – 14/06/2025
- Lịch xét tuyển (*dự kiến*): 16/06/2025 – 20/06/2025
- Thời gian thi tuyển (*dự kiến*): 28/06/2025

2. Phương thức tuyển sinh

2.1. Xét tuyển

- a) Chỉ tiêu xét tuyển: 30% chỉ tiêu tuyển sinh

b) Điều kiện xét tuyển:

- Ứng viên đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp trình độ đại học các ngành đúng đạt loại giỏi trở lên, hình thức đào tạo chính quy.

- Có một trong các văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định tại mục II.

2.2. Thi tuyển

a) Chỉ tiêu thi tuyển: 70% chỉ tiêu tuyển sinh

b) Điều kiện thi tuyển:

- Thí sinh đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp trình độ đại học ngành phù hợp phải tham gia thi tuyển theo hình thức phỏng vấn.

- Thí sinh không đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ phải tham gia đánh giá năng lực ngoại ngữ do Học viện tổ chức.

c) Môn thi tuyển

- Chuyên ngành Quan hệ quốc tế: Triết học, Chính trị quốc tế;

- Chuyên ngành Luật quốc tế: Triết học, Công pháp quốc tế;

- Chuyên ngành Kinh tế quốc tế: Kinh tế học, Kinh tế quốc tế;

- Chuyên ngành Truyền thông quốc tế: Triết học, Truyền thông quốc tế.

d) Hình thức thi tuyển: Phỏng vấn trực tiếp.

VII. Mức học phí, dịch vụ tuyển sinh

1. Mức thu học phí

Học phí được xác định căn cứ theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế thu, quản lý và chính sách miễn giảm học phí. Mức học phí áp dụng đối với đào tạo thạc sĩ được tính gấp 1,5 lần học phí đào tạo đại học.

2. Mức thu phí dịch vụ tuyển sinh

- Lệ phí đăng ký dự thi/xét tuyển: 200.000 đồng/hồ sơ.

- Lệ phí xét tuyển: 500.000 đồng/ hồ sơ.

- Lệ phí thi tuyển: 500.000 đồng/ hồ sơ.

- Lệ phí thi đánh giá năng lực ngoại ngữ: 500.000 đồng/ hồ sơ.

VIII. Chính sách ưu tiên

1. Đối tượng ưu tiên

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh trình độ đại học hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

e) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điểm a;

f) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

2. Mức ưu tiên

a) Đối với phương thức xét tuyển: Người dự tuyển thuộc đối tượng ưu tiên quy định tại mục VII.1 (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả xét tuyển 1 (một) điểm;

b) Đối với phương thức thi tuyển: Người dự tuyển thuộc đối tượng ưu tiên quy định tại mục VII.1 (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả thi 10 (mười) điểm cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) và cộng 1 (một) điểm (thang điểm 10) phần phỏng vấn.

IX. Thông tin liên hệ

Phòng Đào tạo sau Đại học, Ban Đào tạo, Học viện Ngoại giao

Phòng D501 nhà D, số 69 Chùa Láng, Đống Đa, Hà Nội

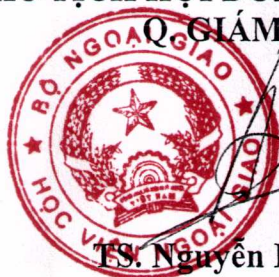
Hotline: 0898.634.436 Email: dtsdh@dav.edu.vn

Website: www.dav.edu.vn./#

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: HCTH, SDH.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
Q. GIÁM ĐỐC



TS. Nguyễn Hùng Sơn

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC NGÀNH ĐÚNG, NGÀNH PHÙ HỢP
VÀ CHƯƠNG TRÌNH BỔ SUNG KIẾN THỨC TRƯỚC KHI DỰ THI
TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2393/QĐ-HVNG ngày 30 tháng 12 năm 2022
của Q. Giám đốc Học viện Ngoại giao)

I. CHUYÊN NGÀNH QUAN HỆ QUỐC TẾ

1. Ngành đúng

Quan hệ quốc tế.

2. Ngành phù hợp

Nhóm 1:

- *Nhóm ngành Khoa học chính trị (73102)*: Chính trị học, Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước, Quản lý nhà nước.

- *Nhóm ngành Khu vực học (73106)*: Quốc tế học, Châu Á học, Thái Bình Dương học, Châu Á - Thái Bình Dương học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Hoa Kỳ học, Đông Nam Á học, Việt Nam học.

- *Các ngành do Học viện Ngoại giao đào tạo gồm*: Luật quốc tế, Luật thương mại quốc tế Kinh tế quốc tế, Kinh doanh quốc tế, Truyền thông quốc tế, Ngôn ngữ Anh.

Nhóm 2:

- *Lĩnh vực Nhân văn (722)*: nhóm ngành Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài (72202) và các ngành Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tôn giáo học, Lịch sử, Ngôn ngữ học, Văn hóa học, Quản lý văn hóa.

- *Lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi (731)*: các ngành còn lại trong lĩnh vực này.

- *Lĩnh vực Báo chí và thông tin (732)*: Truyền thông quốc tế, Quan hệ công chúng.

- *Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý (734)*: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Khoa học quản lý.

- *Lĩnh vực Pháp luật (738)*: Luật quốc tế.

Nhóm 3:

- Các ngành không thuộc nhóm 1, nhóm 2 nêu trên người dự tuyển thuộc nhóm 3 phải đáp ứng đủ các điều kiện sau: i) trong chương trình đào tạo ở trình độ đại học của thí sinh có học phần liên quan đến khối kiến thức chuyên ngành ở trình độ đại học của ngành Quan hệ quốc tế; ii) có thâm niên công tác tối thiểu 2 năm trong lĩnh vực liên quan đến ngành đăng ký dự thi và iii) được cơ quan cử đi đào tạo trình độ thạc sĩ để phục vụ cho công tác chuyên môn. Giám đốc Học viện Ngoại giao sẽ thành lập Hội đồng xét hồ sơ dự tuyển để đánh giá mức độ phù hợp của Hồ sơ dự tuyển với ngành Quan hệ quốc tế.

3. Chương trình bổ sung kiến thức ngành Quan hệ quốc tế

Khung chương trình dành cho đối tượng ngành phù hợp nhóm 1

STT	Môn học	Tín chỉ
1	Lý luận quan hệ quốc tế	3
2	Quản trị toàn cầu	3
3	Chính sách đối ngoại Việt Nam từ 1975 đến nay	3
4	Chính trị quốc tế hiện đại	3

Khung chương trình dành cho đối tượng ngành phù hợp nhóm 2 và 3

STT	Môn học	Tín chỉ
-----	---------	---------

1	Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại	3
2	Chính sách đối ngoại Việt Nam từ 1975 đến nay	3
3	Quan hệ kinh tế quốc tế	3
4	Công pháp quốc tế	3
5	Lý luận quan hệ quốc tế	3
6	Quản trị toàn cầu	3
7	Chính trị quốc tế hiện đại	3

Trong trường hợp thí sinh đã học ở trình độ đại học bất cứ môn học nào trong chương trình bổ sung kiến thức (thể hiện qua tên gọi chính xác trong Bảng điểm đại học) sẽ được Học viện xem xét miễn học môn học đó./.

II. CHUYÊN NGÀNH LUẬT QUỐC TẾ

1. Ngành đúng

Luật quốc tế.

2. Ngành phù hợp

Nhóm 1:

Nhóm ngành Luật (73801): Luật, Luật hiến pháp và luật hành chính, Luật dân sự và tố tụng dân sự, Luật hình sự và tố tụng hình sự, Luật kinh tế, Luật thương mại quốc tế.

Nhóm 2:

- Các ngành do Học viện Ngoại giao đào tạo gồm: Quan hệ quốc tế, Kinh tế quốc tế, Kinh doanh quốc tế, Truyền thông quốc tế, Ngôn ngữ Anh, Châu Á - Thái Bình Dương học.

Đối với ngành phù hợp nhóm 2, người dự tuyển phải đáp ứng đủ các điều kiện sau: i) có bằng tốt nghiệp đại học đạt loại Khá trở lên; ii) có thâm niên công tác tối thiểu 2 năm trong lĩnh vực liên quan đến ngành đăng ký dự thi và iii) được cơ quan cử đi đào tạo trình độ thạc sĩ để phục vụ cho công tác chuyên môn. Giám đốc Học viện Ngoại giao sẽ thành lập Hội đồng xét hồ sơ dự tuyển để đánh giá mức độ phù hợp của Hồ sơ dự tuyển với ngành Luật quốc tế.

3. Chương trình bổ sung kiến thức ngành Luật quốc tế

Khung chương trình dành cho đối tượng ngành phù hợp nhóm 1

STT	Môn học	Tín chỉ
1	Công pháp quốc tế	3
2	Tư pháp quốc tế	3
3	Luật tổ chức quốc tế	3
4	Luật điều ước quốc tế	3

Khung chương trình dành cho đối tượng ngành phù hợp nhóm 2

STT	Môn học	Tín chỉ
1	Chính sách đối ngoại Việt Nam từ 1975 đến nay	3
2	Quan hệ kinh tế quốc tế	3
3	Lý luận về pháp luật và hệ thống pháp luật Việt Nam	3
4	Công pháp quốc tế	3
5	Tư pháp quốc tế	3
6	Luật tổ chức quốc tế	3

Trong trường hợp thí sinh đã học ở trình độ đại học bất cứ môn học nào trong chương trình bổ sung kiến thức (thể hiện qua tên gọi chính xác trong Bảng điểm đại học) sẽ được Học viện xem xét miễn học môn học đó./.

III. CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ

1. Ngành đúng

Kinh tế quốc tế.

2. Ngành phù hợp

Nhóm 1:

- *Nhóm ngành Kinh tế học (73101)*: Kinh tế, Kinh tế chính trị, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Thống kê kinh tế, Toán kinh tế, Kinh tế số, Quản lý kinh tế.
- *Nhóm ngành Kinh doanh (73401)*: Quản trị kinh doanh, Marketing, Bất động sản, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại, Thương mại điện tử, Kinh doanh thời trang và dệt may.
- *Các ngành do Học viện Ngoại giao đào tạo gồm*: Quan hệ quốc tế, Luật quốc tế, Luật thương mại quốc tế, Truyền thông quốc tế, Ngôn ngữ Anh, Châu Á - Thái Bình Dương học.

Nhóm 2:

- *Lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi (731)*: các ngành còn lại trong lĩnh vực này.
- *Lĩnh vực Báo chí và thông tin (732)*: Truyền thông quốc tế, Kinh doanh xuất bản phẩm.
- *Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý (734)*: các ngành còn lại trong lĩnh vực này.
- *Lĩnh vực Pháp luật (738)*: Luật quốc tế.
- *Các lĩnh vực khác*:
 - ✓ *Nhóm ngành Quản lý công nghiệp (75106)*: Quản lý công nghiệp, Kinh tế công nghiệp, Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng.
 - ✓ *Nhóm ngành Quản lý xây dựng (75803)*: Kinh tế xây dựng, Quản lý xây dựng.
 - ✓ *Nhóm ngành Nông nghiệp (76201)*: Kinh doanh nông nghiệp, Kinh tế nông nghiệp.
 - ✓ *Nhóm ngành Du lịch (78101)*: Du lịch, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.
 - ✓ *Nhóm ngành Khách sạn, nhà hàng (78102)*: Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống.
 - ✓ *Nhóm ngành Kinh tế gia đình (78105)*: Kinh tế gia đình.
 - ✓ *Nhóm ngành Khai thác vận tải (78401)*: Kinh tế vận tải.
 - ✓ *Nhóm ngành Quản lý tài nguyên và môi trường (78501)*: Quản lý tài nguyên và môi trường, Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Quản lý đất đai.

Nhóm 3:

- Các ngành không thuộc nhóm 1, nhóm 2 nêu trên người dự tuyển phải đáp ứng đủ các điều kiện sau: i) trong chương trình đào tạo ở trình độ đại học của thí sinh có học phần liên quan đến khối kiến thức chuyên ngành ở trình độ đại học của ngành Kinh tế quốc tế; ii) có thâm niên công tác tối thiểu 2 năm trong lĩnh vực liên quan đến ngành đăng ký dự thi và iii) được cơ quan cử đi đào tạo trình độ thạc sĩ để phục vụ cho công tác chuyên môn. Giám đốc Học viện Ngoại giao sẽ thành lập Hội đồng xét hồ sơ dự tuyển để đánh giá mức độ phù hợp của Hồ sơ dự tuyển với ngành Kinh tế quốc tế.

3. Chương trình bổ sung kiến thức ngành Kinh tế quốc tế

Khung chương trình dành cho đối tượng ngành phù hợp nhóm 1

STT	Môn học	Tín chỉ
1	Kinh tế vi mô	3
2	Kinh tế vĩ mô	3
3	Quan hệ kinh tế quốc tế	3
4	Kinh tế phát triển	3

Khung chương trình dành cho đối tượng ngành phù hợp nhóm 2 và 3

STT	Môn học	Tín chỉ
1	Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại	3
2	Quan hệ kinh tế quốc tế	3
3	Công pháp quốc tế	3
4	Kinh tế vi mô	3
5	Kinh tế vĩ mô	3
6	Kinh tế đối ngoại Việt Nam	3
7	Kinh tế phát triển	3

Trong trường hợp thí sinh đã học ở trình độ đại học bất cứ môn học nào trong chương trình bổ sung kiến thức (thể hiện qua tên gọi chính xác trong Bảng điểm đại học) sẽ được Học viện xem xét miễn học môn học đó./.

IV. CHUYÊN NGÀNH TRUYỀN THÔNG QUỐC TẾ

1. Ngành đúng

Truyền thông quốc tế.

2. Ngành phù hợp

Nhóm 1:

- *Nhóm ngành Báo chí và Truyền thông (73201)*: Báo chí, Truyền thông đa phương tiện, Truyền thông đại chúng, Công nghệ truyền thông, Quan hệ công chúng.

- *Các ngành do Học viện Ngoại giao đào tạo gồm*: Quan hệ quốc tế, Luật quốc tế, Kinh tế quốc tế, Ngôn ngữ Anh, Châu Á – Thái Bình Dương học, Kinh doanh quốc tế, Luật thương mại quốc tế.

Nhóm 2:

- *Lĩnh vực Nhân văn (722)*: nhóm ngành Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài (72202) và các ngành Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tôn giáo học, Lịch sử, Ngôn ngữ học, Văn hóa học, Quản lý văn hóa.

- *Lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi (731)*: nhóm ngành Khoa học chính trị (73102) và nhóm ngành Khu vực học (73106).

- *Lĩnh vực Báo chí và thông tin (732)*: các ngành còn lại trong lĩnh vực này.

- *Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý (734)*: Quản trị kinh doanh, Marketing, Kinh doanh quốc tế và nhóm ngành Quản trị-Quản lý (73404).

- *Lĩnh vực Pháp luật (738)*: Luật quốc tế.

Nhóm 3:

- Các ngành không thuộc nhóm 1, nhóm 2 nêu trên người dự tuyển phải đáp ứng đủ các điều kiện sau: i) trong chương trình đào tạo ở trình độ đại học của thí sinh có học phần liên quan

đến khối kiến thức chuyên ngành ở trình độ đại học của ngành Truyền thông quốc tế; ii) có thâm niên công tác tối thiểu 2 năm trong lĩnh vực liên quan đến ngành đăng ký dự thi và iii) được cơ quan cử đi đào tạo trình độ thạc sĩ để phục vụ cho công tác chuyên môn. Giám đốc Học viện Ngoại giao sẽ thành lập Hội đồng xét hồ sơ dự tuyển để đánh giá mức độ phù hợp của Hồ sơ dự tuyển với ngành Truyền thông quốc tế.

3. Chương trình bổ sung kiến thức ngành Truyền thông quốc tế

Khung chương trình dành cho đối tượng ngành phù hợp nhóm 1

STT	Môn học	Tín chỉ
1	Đại cương Truyền thông quốc tế	3
2	Truyền thông đa phương tiện	3
3	Truyền thông đối ngoại	3
4	Quản trị toàn cầu	3

Khung chương trình dành cho đối tượng ngành phù hợp nhóm 2 và 3

STT	Môn học	Tín chỉ
1	Chính sách đối ngoại Việt Nam từ 1975 đến nay	3
2	Quan hệ kinh tế quốc tế	3
3	Công pháp quốc tế	3
4	Đại cương Truyền thông quốc tế	3
5	Truyền thông đa phương tiện	3
6	Truyền thông đối ngoại	3
7	Quản trị toàn cầu	3

Trong trường hợp thí sinh đã học ở trình độ đại học bất cứ môn học nào trong chương trình bổ sung kiến thức (thể hiện qua tên gọi chính xác trong Bảng điểm đại học) sẽ được Học viện xem xét miễn học môn học đó./.

